

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN VĂN ĐĂNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|--|--------|-------|-----------------------|------------|-----------|-----|------|-----------|------|------|-----------|
| 1 | 143213 | 1 | NGUYỄN ĐỨC HỒNG AN | 09/08/2005 | Nữ | 9A1 | 5.75 | 4.25 | 3.25 | 0 | 22.25 |
| 2 | 143251 | 3 | NGUYỄN THÚY ANH | 10/03/2005 | Nữ | 9A1 | 6.25 | 6.25 | 2.5 | 0 | 23.75 |
| 3 | 143258 | 3 | PHẠM NGUYỄN TUẤN ANH | 25/03/2005 | Nam | 9A1 | 7.25 | 5.75 | 5.5 | 0 | 31.25 |
| 4 | 143309 | 5 | NGUYỄN ĐẶNG MINH CHÂU | 01/01/2005 | Nữ | 9A1 | 7.25 | 6.5 | 8 | 0 | 37 |
| 5 | 143322 | 6 | NGUYỄN TRUNG CHIẾN | 21/08/2005 | Nam | 9A1 | 6 | 4.25 | 2.5 | 0 | 21.25 |
| 6 | 143336 | 6 | LÂM HIỂN ĐĂNG | 30/04/2005 | Nam | 9A1 | 7 | 6.5 | 4.25 | 1 | 30 |
| 7 | 143390 | 9 | NGUYỄN ANH DUY | 18/11/2005 | Nam | 9A1 | 7.25 | 3 | 5 | 0 | 27.5 |
| 8 | 143425 | 10 | MAI NGỌC BẢO HÂN | 27/01/2005 | Nữ | 9A1 | 7.75 | 7.5 | 8.75 | 0 | 40.5 |
| 9 | 143526 | 14 | VŨ NGỌC HUY | 22/01/2005 | Nam | 9A1 | 6.75 | 4 | 6 | 0 | 29.5 |
| 10 | 143541 | 15 | LƯU VĨNH KHANG | 27/10/2005 | Nam | 9A1 | 7.25 | 4.25 | 6 | 0 | 30.75 |
| 11 | 143580 | 17 | PHẠM ĐĂNG KHOA | 04/02/2005 | Nam | 9A1 | 6.75 | 6.25 | 2.75 | 0 | 25.25 |
| 12 | 143707 | 22 | LÊ NGUYỄN THỤY MY | 13/03/2005 | Nữ | 9A1 | 7.75 | 5.75 | 8.25 | 0 | 37.75 |
| 13 | 143718 | 22 | NGUYỄN HOÀNG NAM | 27/09/2005 | Nam | 9A1 | 8.25 | 7.75 | 9 | 0 | 42.25 |
| 14 | 143752 | 24 | KIỀU NGUYỄN BẢO NGỌC | 18/02/2005 | Nữ | 9A1 | 7.5 | 4.25 | 6.75 | 0 | 32.75 |
| 15 | 143753 | 24 | KIỀU NGUYỄN HỒNG NGỌC | 18/02/2005 | Nữ | 9A1 | 8.25 | 7.25 | 5.75 | 0 | 35.25 |
| 16 | 143826 | 3 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ | 13/10/2005 | Nữ | 9A1 | 6.25 | 4.25 | 4.5 | 0 | 25.75 |
| 17 | 143877 | 5 | PHẠM THIÊN PHƯỚC | 25/05/2005 | Nam | 9A1 | 7.5 | 5.75 | 4 | 0 | 28.75 |
| 18 | 143943 | 8 | ĐỖ HOÀNG MINH TÂM | 08/05/2005 | Nam | 9A1 | 6.5 | 3.25 | 6.75 | 0 | 29.75 |
| 19 | 144044 | 12 | NGUYỄN VŨ MINH THƯ | 12/05/2005 | Nữ | 9A1 | 6.5 | 5.75 | 5.75 | 0 | 30.25 |
| 20 | 144240 | 20 | MAI XUÂN YẾN | 06/06/2005 | Nữ | 9A1 | 7 | 6.5 | 4 | 0 | 28.5 |
| Tổng cộng có tất cả: 20 học sinh. | | | | | | | | | | | |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS TRẦN VĂN ĐANG

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|-----|--------|-------|-------------------------|------------|-----------|-----|------|-----------|------|------|-----------|
| 1 | 143229 | 2 | LÊ THỊ NGỌC ANH | 03/04/2005 | Nữ | 9A2 | 8 | 6.25 | 7.25 | 0 | 36.75 |
| 2 | 143249 | 3 | NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH | 14/10/2005 | Nữ | 9A2 | 5 | 2.75 | 3.25 | 0 | 19.25 |
| 3 | 143326 | 6 | ĐẶNG VĂN CHỨC | 14/07/2005 | Nam | 9A2 | 5 | 2 | 2.75 | 0 | 17.5 |
| 4 | 143341 | 7 | NGUYỄN THÀNH DANH | 15/07/2005 | Nam | 9A2 | 5.25 | 4.25 | 4.5 | 0 | 23.75 |
| 5 | 143486 | 13 | ĐẶNG QUANG HÙNG | 30/04/2005 | Nam | 9A2 | 7.5 | 6.5 | 7.25 | 0 | 36 |
| 6 | 143494 | 13 | NGUYỄN THỊ XUÂN HƯƠNG | 15/04/2005 | Nữ | 9A2 | 7.75 | 5 | 3.75 | 0 | 28 |
| 7 | 143501 | 13 | HỨA HOÀNG HUY | 01/02/2005 | Nam | 9A2 | 6 | 3 | 2 | 1 | 20 |
| 8 | 143533 | 15 | NGUYỄN TRẦN TUẤN KHẢI | 12/10/2005 | Nam | 9A2 | 6.75 | 5.5 | 6.25 | 0 | 31.5 |
| 9 | 143545 | 15 | TẠ AN KHANG | 28/12/2005 | Nam | 9A2 | 8 | 7 | 6.75 | 1 | 37.5 |
| 10 | 143654 | 20 | TRƯƠNG VĂN LỢI | 31/05/2005 | Nam | 9A2 | 5.75 | 4.75 | 6 | 0 | 28.25 |
| 11 | 143676 | 21 | LƯU THỊ TUYẾT MAI | 20/06/2005 | Nữ | 9A2 | 5.5 | 4.25 | 1 | 0 | 17.25 |
| 12 | 143699 | 22 | PHAN TÚ MINH | 08/11/2005 | Nam | 9A2 | 8.25 | 8.75 | 8 | 0 | 41.25 |
| 13 | 143839 | 3 | PHAN NGUYỄN KIỀU OANH | 29/08/2005 | Nữ | 9A2 | 5.75 | 4.25 | 2.75 | 0 | 21.25 |
| 14 | 143856 | 4 | TRẦN THANH PHÚ | 16/10/2004 | Nam | 9A2 | 6.75 | 3 | 4.25 | 0 | 25 |
| 15 | 143860 | 4 | GIANG NGUYỄN HOÀI PHÚC | 16/02/2004 | Nam | 9A2 | 5.25 | 2.5 | 2.5 | 0 | 18 |
| 16 | 143900 | 6 | DƯƠNG MINH QUÂN | 08/11/2005 | Nam | 9A2 | 7.25 | 7 | 7.25 | 0 | 36 |
| 17 | 143913 | 7 | PHẠM PHAN PHÚ QUANG | 19/12/2005 | Nam | 9A2 | 6.5 | 4.75 | 7 | 0 | 31.75 |
| 18 | 143932 | 7 | VŨ LÊ NHƯ QUỲNH | 13/09/2005 | Nữ | 9A2 | 7 | 2.75 | 4 | 0 | 24.75 |
| 19 | 143981 | 9 | TRẦN NGUYỄN THIÊN THANH | 27/11/2005 | Nữ | 9A2 | 6.25 | 5.75 | 4 | 0 | 26.25 |
| 20 | 144024 | 11 | PHẠM QUỐC THỐNG | 15/08/2005 | Nam | 9A2 | 5.75 | 6.75 | 6.5 | 0 | 31.25 |
| 21 | 144066 | 13 | ĐẶNG MINH THUYỀN | 23/10/2005 | Nam | 9A2 | 6.5 | 4.25 | 8.5 | 0 | 34.25 |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN VĂN ĐANG

Loại hình: Tuyển sinh 10

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------|----|----------------------|------------|-----|-----|------|------|------|---|-------|
| 22 | 144106 | 15 | NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN | 13/05/2005 | Nữ | 9A2 | 7.5 | 7.25 | 9 | 0 | 40.25 |
| 23 | 144191 | 18 | TRẦN CÔNG VINH | 28/09/2005 | Nam | 9A2 | 7.25 | 5.75 | 6.75 | 0 | 33.75 |
| 24 | 144210 | 19 | NGUYỄN HỒ GIA VY | 22/09/2005 | Nữ | 9A2 | 6.75 | 6 | 3.25 | 0 | 26 |
| 25 | 144231 | 20 | LÊ NGỌC NHƯ Ý | 29/12/2005 | Nữ | 9A2 | 7 | 3.5 | 2.5 | 0 | 22.5 |
| Tổng cộng có tất cả: 25 học sinh. | | | | | | | | | | | |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ**

Trường: THCS TRẦN VĂN ĐANG

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|-----|--------|-------|-------------------------|------------|-----------|-----|------|-----------|------|------|-----------|
| 1 | 143195 | 1 | HÀ NGỌC AN | 26/09/2005 | Nam | 9A3 | 5.25 | 6.5 | 7.25 | 0 | 31.5 |
| 2 | 143280 | 4 | LÊ HOÀI BẢO | 07/11/2005 | Nam | 9A3 | 7 | 5.75 | 6 | 0 | 31.75 |
| 3 | 143389 | 9 | TRẦN NGỌC THÙY DƯƠNG | 20/05/2005 | Nữ | 9A3 | 7 | 4 | 6.75 | 0 | 31.5 |
| 4 | 143406 | 9 | VƯƠNG TRƯỜNG GIANG | 02/01/2005 | Nam | 9A3 | 6.25 | 3.5 | 4.25 | 0 | 24.5 |
| 5 | 143531 | 15 | NGÔ GIA HY | 05/07/2005 | Nam | 9A3 | 7.25 | 6.75 | 7.75 | 0 | 36.75 |
| 6 | 143539 | 15 | LÊ HOÀNG KHANG | 13/01/2005 | Nam | 9A3 | 6.75 | 4.25 | 3.25 | 0 | 24.25 |
| 7 | 143543 | 15 | PHẠM ĐẠI GIA KHANG | 22/07/2004 | Nam | 9A3 | 6 | 4.25 | 3 | 0 | 22.25 |
| 8 | 143678 | 21 | NGUYỄN XUÂN MAI | 31/01/2005 | Nữ | 9A3 | 8 | 5.75 | 4.5 | 0 | 30.75 |
| 9 | 143738 | 23 | TRẦN NGUYỄN THUÝ NGÂN | 29/09/2005 | Nữ | 9A3 | 6 | 4 | 4.5 | 0 | 25 |
| 10 | 143760 | 24 | NGUYỄN THỊ HOÀN NGỌC | 12/05/2005 | Nữ | 9A3 | 6.75 | 2.25 | 3 | 0 | 21.75 |
| 11 | 143806 | 2 | NGUYỄN NGỌC YẾN NHI | 24/10/2004 | Nữ | 9A3 | 7.75 | 1.75 | 3 | 0 | 23.25 |
| 12 | 143843 | 4 | LÊ THÀNH PHÁT | 19/05/2005 | Nam | 9A3 | 6.25 | 4 | 3 | 0 | 22.5 |
| 13 | 143875 | 5 | NGUYỄN THIÊN PHƯỚC | 03/03/2005 | Nam | 9A3 | 7 | 2.75 | 5.25 | 0 | 27.25 |
| 14 | 143920 | 7 | VÕ VŨ XUÂN QUÝ | 10/09/2005 | Nam | 9A3 | 5.5 | 2 | 2.75 | 0 | 18.5 |
| 15 | 143942 | 8 | VÕ NGUYỄN TẤN TÀI | 12/03/2005 | Nam | 9A3 | 7 | 2.75 | 6.75 | 0 | 30.25 |
| 16 | 143959 | 8 | HOÀNG NHẬT TÂN | 28/04/2005 | Nam | 9A3 | 4.75 | 3 | 2.25 | 0 | 17 |
| 17 | 143980 | 9 | PHẠM THỊ QUÝ THANH | 21/04/2004 | Nữ | 9A3 | 6.75 | 4 | 2.75 | 0 | 23 |
| 18 | 144035 | 12 | NGÔ HOÀNG MINH THƯ | 14/10/2005 | Nữ | 9A3 | 5.75 | 3.25 | 3.5 | 1.5 | 23.25 |
| 19 | 144037 | 12 | NGUYỄN LÊ MINH THƯ | 02/07/2005 | Nữ | 9A3 | 6 | 6.75 | 3 | 0 | 24.75 |
| 20 | 144097 | 14 | TRẦN NGỌC BẢO TRÂM | 19/02/2005 | Nữ | 9A3 | 6.75 | 3 | 2.25 | 0 | 21 |
| 21 | 144118 | 15 | DƯƠNG NGỌC PHƯƠNG TRINH | 20/11/2005 | Nữ | 9A3 | 4.25 | 3.25 | 1.25 | 0 | 14.25 |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN VĂN ĐANG

Loại hình: Tuyển sinh 10

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------|----|----------------------|------------|-----|-----|-------------|-------------|-------------|----------|--------------|
| 22 | 144126 | 15 | NGUYỄN THANH TRÚC | 17/06/2005 | Nữ | 9A3 | 5.25 | 2.75 | 3.5 | 0 | 20.25 |
| 23 | 144144 | 16 | NGUYỄN ĐẶNG ANH TUẤN | 28/03/2005 | Nam | 9A3 | 5 | 3.25 | 3.5 | 0 | 20.25 |
| 24 | 144156 | 17 | ĐẶNG ÁI TUYỀN | 07/10/2004 | Nữ | 9A3 | 7.25 | 3.25 | 3 | 0 | 23.75 |
| 25 | 144165 | 17 | NGUYỄN HÀ TÚ UYÊN | 05/11/2005 | Nữ | 9A3 | 6.25 | 1.25 | 2.25 | 0 | 18.25 |
| 26 | 144172 | 17 | SỬ DUY UYÊN | 13/07/2005 | Nữ | 9A3 | 7.25 | 5.75 | 7.25 | 0 | 34.75 |
| 27 | 144239 | 20 | MAI HẢI YẾN | 06/06/2005 | Nữ | 9A3 | 7 | 3.75 | 3.75 | 0 | 25.25 |
| Tổng cộng có tất cả: 27 học sinh. | | | | | | | | | | | |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN VĂN ĐĂNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

| STT | SBD | Phòng | Họ tên | Ngày sinh | Giới tính | Lớp | Văn | Ngoại ngữ | Toán | UTKK | Tổng điểm |
|-----|--------|-------|------------------------|------------|-----------|-----|------|-----------|------|------|-----------|
| 1 | 143271 | 4 | VÕ QUẾ ANH | 11/09/2005 | Nữ | 9A4 | 7 | 8.75 | 7.75 | 0 | 38.25 |
| 2 | 143294 | 5 | TRẦN GIA BẢO | 18/06/2005 | Nam | 9A4 | 6.75 | 4.25 | 6 | 0 | 29.75 |
| 3 | 143334 | 6 | ĐỖ BÁ HẢI ĐĂNG | 04/04/2005 | Nam | 9A4 | 7.25 | 6 | 5 | 0 | 30.5 |
| 4 | 143446 | 11 | NGUYỄN THU HIỀN | 28/12/2005 | Nữ | 9A4 | 5 | 3 | 3.25 | 0 | 19.5 |
| 5 | 143461 | 12 | NGUYỄN PHÚC GIA HOÀ | 25/07/2005 | Nam | 9A4 | 7.5 | 6 | 5 | 0 | 31 |
| 6 | 143479 | 12 | PHẠM THỊ HUẾ | 16/03/2005 | Nữ | 9A4 | 7.75 | 6.75 | 4.25 | 0 | 30.75 |
| 7 | 143617 | 18 | PHÙNG GIA LÂM | 26/04/2005 | Nam | 9A4 | 6.5 | 2.75 | 5.75 | 0 | 27.25 |
| 8 | 143632 | 19 | LÊ HOÀNG KHÁNH LINH | 22/04/2005 | Nữ | 9A4 | 6.5 | 5.5 | 3.25 | 0 | 25 |
| 9 | 143646 | 19 | VŨ NGỌC KHÁNH LINH | 28/06/2005 | Nữ | 9A4 | 7.75 | 7.5 | 6.5 | 0 | 36 |
| 10 | 143652 | 20 | TRƯƠNG VĨNH LỘC | 16/09/2004 | Nam | 9A4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | 143657 | 20 | ĐỖ HOÀNG LONG | 11/12/2005 | Nam | 9A4 | 4.25 | 2.75 | 1.75 | 0 | 14.75 |
| 12 | 143703 | 22 | VŨ ANH MINH | 30/09/2005 | Nam | 9A4 | 7.75 | 4.25 | 3 | 0 | 25.75 |
| 13 | 143704 | 22 | VŨ TÚ MINH | 13/10/2005 | Nữ | 9A4 | 8.25 | 7.75 | 8.5 | 1 | 42.25 |
| 14 | 143747 | 24 | NGUYỄN NGỌC ĐÔNG NGHI | 17/06/2005 | Nữ | 9A4 | 8 | 3.5 | 5.25 | 0 | 30 |
| 15 | 143768 | 24 | ĐINH HOÀNG KHÔI NGUYỄN | 20/04/2005 | Nam | 9A4 | 6.25 | 6.25 | 7 | 0 | 32.75 |
| 16 | 143807 | 2 | NGUYỄN NGỌC YẾN NHI | 27/08/2005 | Nữ | 9A4 | 7.75 | 5.25 | 2 | 0 | 24.75 |
| 17 | 143815 | 2 | TRẦN NGỌC PHƯƠNG NHI | 30/08/2005 | Nữ | 9A4 | 5.75 | 3 | 4 | 0 | 22.5 |
| 18 | 143864 | 4 | LÝ NGUYỄN BẢO PHÚC | 29/10/2005 | Nam | 9A4 | 6.25 | 7.25 | 3.25 | 0 | 26.25 |
| 19 | 143876 | 5 | NGUYỄN TRẦN HỮU PHƯỚC | 21/02/2005 | Nam | 9A4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 20 | 143880 | 5 | ĐINH THẢO PHƯƠNG | 20/02/2005 | Nữ | 9A4 | 7 | 2 | 3 | 0 | 22 |
| 21 | 143912 | 6 | PHẠM NGUYỄN MINH QUANG | 15/07/2005 | Nam | 9A4 | 6.5 | 4.75 | 8 | 0 | 33.75 |

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS TRẦN VĂN ĐANG

Loại hình: Tuyển sinh 10

| | | | | | | | | | | | |
|--|--------|----|--------------------|------------|-----|-----|------|------|------|---|-------|
| 22 | 143923 | 7 | QUAN THẾ QUYỀN | 12/07/2005 | Nam | 9A4 | 5.25 | 2.5 | 3.5 | 1 | 21 |
| 23 | 143963 | 9 | TRẦN ĐỨC TÂN | 06/09/2005 | Nam | 9A4 | 5.5 | 3.5 | 3 | 0 | 20.5 |
| 24 | 144051 | 12 | TRỊNH MINH THƯ | 30/10/2005 | Nữ | 9A4 | 5.75 | 2 | 1.5 | 0 | 16.5 |
| 25 | 144056 | 12 | ĐÀM PHƯƠNG THUY | 27/08/2005 | Nữ | 9A4 | 7.25 | 7.75 | 6.75 | 0 | 35.75 |
| 26 | 144173 | 17 | TRẦN MỸ UYÊN | 17/04/2005 | Nữ | 9A4 | 6.75 | 5.75 | 5.5 | 0 | 30.25 |
| 27 | 144188 | 18 | LƯƠNG QUỐC VINH | 10/10/2005 | Nam | 9A4 | 5.25 | 8.5 | 7.75 | 0 | 34.5 |
| 28 | 144205 | 19 | LÊ NGỌC TƯỜNG VY | 26/11/2005 | Nữ | 9A4 | 5.5 | 2.25 | 3 | 0 | 19.25 |
| 29 | 144206 | 19 | MAI THỊ NGỌC VY | 02/04/2005 | Nữ | 9A4 | 7.75 | 3.25 | 3.25 | 0 | 25.25 |
| 30 | 144228 | 20 | LÊ NGUYỄN MAI XUÂN | 04/11/2005 | Nữ | 9A4 | 5.75 | 4 | 1.75 | 0 | 19 |
| Tổng cộng có tất cả: 30 học sinh. | | | | | | | | | | | |

